

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHÍ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27 /GDĐT

Củ Chi, ngày 11 tháng 01 năm 2022

Về việc triển khai một số chế độ, chính sách mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện.

Kính gửi:

- Thường trực UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và các đơn vị giáo dục trực thuộc.

Căn cứ Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, giáo dục phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ 2 năm học 2021-2022 (Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiếp tục thực hiện chính sách miễn học phí đối với học sinh dân tộc Chăm và Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020-2021, 2021-2022 và chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số năm 2021 (Quyết định số 4453/QĐ-UBND);

Căn cứ Công văn số 06/UBND-VX ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Căn cứ Công văn số 88/SGDĐT-KHTC ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai một số chế độ, chính sách mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đề nghị thủ trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và các đơn vị giáo dục trực thuộc quan tâm, tổ chức thực hiện.

Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung văn bản này, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện để được hướng dẫn và phối hợp thực hiện.

Trên đây là nội dung triển khai một số chế độ, chính sách mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa huyện./.

Hồ sơ đính kèm theo gồm:

- Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND
- Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND
- Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND
- Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND
- Quyết định số 4453/QĐ-UBND

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (để báo cáo);
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.P.GDĐT.2. TTST.138.



Trần Văn Toản

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2021/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 4032 /TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định nội dung, mức chi để thực hiện công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 857/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện các nhiệm vụ

thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

Thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo do Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Thường trực Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng UBND TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND TP Thủ Đức, 05 huyện, xã, thị trấn;
- UBND các quận, phường;
- Trung tâm công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (Ban VHXH-Nga).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ



PHỤ LỤC

Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

I. Nội dung

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 100% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Thi tốt nghiệp THPT
2	Thi tuyển sinh lớp 10
3	Thi giáo viên giỏi Thành phố
4	Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi Thành phố
5	Thi giáo viên giỏi GDTX Thành phố
6	Thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi GDTX Thành phố
7	Thi HS Giỏi lớp 9 THCS Thành phố
8	Thi HS Giỏi lớp 12 THPT Thành phố
9	Thi chọn đội tuyển HSG lớp 12 THPT Thành phố (vòng 1)
10	Thi chọn đội tuyển HSG lớp 12 THPT Thành phố (vòng 2)
11	Thi Học viên giỏi GDTX Thành phố
12	Thi Nghiên cứu khoa học
13	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 90% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Thi tốt nghiệp Tiếng Hoa cấp Tiểu học
2	Thi Tốt nghiệp tiếng Pháp lớp 12 THPT
3	Thi Tốt nghiệp tiếng Pháp lớp 9 THCS
4	Thi Học viên giỏi máy tính cầm tay GDTX, THPT thành phố
5	Thi Học sinh giỏi giải toán trên máy tính thành phố
6	Thi nghề THPT
7	Thi tuyển sinh lớp 1 - chương trình song ngữ tiếng Pháp

h

- Những kỳ thi, cuộc thi, hội thi được áp dụng mức chi bằng 70% mức chi quy định tại Phần II Phụ lục này như sau:

Stt	Nội dung
1	Cuộc thi “khảo sát lớp 3 thành phố”
2	Cuộc thi “khảo sát học sinh lớp 7 thành phố”
3	Cuộc thi “Khảo sát ngoại ngữ khối 9 thành phố”
4	Cuộc Thi Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp
5	Hội thi Quốc tế Pháp ngữ
6	Hội thi “Đầu bếp trẻ”
7	Hội thi khéo tay kỹ thuật môn công nghệ
8	Hội thi An Toàn Giao thông vì nụ cười ngày mai thành phố
9	Hội thi sáng tác ảnh
10	Hội thi hùng biện tiếng Nhật và liên hoan phim Văn hoá
11	Hội thi hùng biện tiếng Anh
12	Hội thi Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp - STEM
13	Hội thi nét vẽ xanh
14	Hội thi Lớn Lên Cùng Sách
15	Hội Thi E-Learning thành phố
16	Hội thi Văn hay chữ tốt
17	Hội thi Giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố
18	Hội thi Tiếng Anh thành phố
19	Festival bơi lội học sinh

Lưu ý: Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi phát sinh ngoài các danh mục nêu trên cấp thành phố, cấp quận (thành phố Thủ Đức và quận, huyện), Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định nội dung, mức chi phù hợp với tình hình thực tế không vượt quá quy định Nghị quyết này.

II. Mức chi

Đơn vị tính: nghìn đồng.

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thông tư 69	Mức chi	Ghi chú
1	CHI CÔNG TÁC XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI		Khoản 9 Điều 8		
1.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên)		Điểm b Khoản 9 Điều 8		
	- Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày		1.000	
	- Thư ký /ù y viên	Người/ngày		800	
	- Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	Người/ngày		600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	Người/ngày		400	
1.2	Tiền công thực hiện:		Điểm c, Khoản 9, Điều 8		
	- Soạn thảo câu hỏi thô	câu	70	70	
	- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	câu	60	60	
	- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	câu	50	50	
	- Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	câu	35	35	
	- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa.	câu	10	10	
1.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm (Chủ trì; các thành viên)		Điểm e, Khoản 9, Điều 8		
	- Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	Áp dụng cách thức		

			tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/ Phó Chủ tịch	Người/ngày		1.000	
	- Thư ký /ủy viên	Người/ngày		800	
2	RA ĐỀ THI		Khoản 8, Điều 8		
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên).		Điểm a, Khoản 8, Điều 8		
	- Trưởng ban/ Chủ tịch	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban/ Phó Chủ tịch	Người/ngày		1.000	
	- Thư ký /ủy viên	Người/ngày		800	
	- Thành viên gồm vi tính, nhân viên kỹ thuật, y tế, công an, kế toán, thủ quỹ.	Người/ngày		600	
	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	Người/ngày		400	
2.2	Chi ra đề đề xuất (đối với câu tự luận)		Điểm b, Khoản 8, Điều 8		
	- Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đề	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	600	
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (theo phân môn)	Đề theo phân môn		1.000	
	- Thi chọn học sinh vào đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế	Đề theo phân môn		1.500	

2.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề); thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế (Đề tự luận, đề trắc nghiệm); đề thi thực hành kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế.		Điểm c, Khoản 8, Điều 8		
	Thi tốt nghiệp THPT	Người/ngày		1.400	
	Thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)				
	- Đề trắc nghiệm	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.500	
	- Đề tự luận	Người/ngày		1.500	
	- Thi nói	Người/ngày		1.500	
	Thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế (Đề tự luận, đề trắc nghiệm)				
	- Đề trắc nghiệm	Người/ngày		1.500	
	- Đề tự luận	Người/ngày		1.500	
	Đề thi thực hành kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế	Người/ngày		1.500	
3	CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN:		Khoản 4, Điều 8		
3.1	Hội đồng/Ban ra đề thi				
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền	1.200	
	- Phó Chủ tịch thường trực	Người/ngày		1.100	

	- Thành viên gồm phục vụ, bảo vệ, lái xe.	Người/ngày	mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	400	
3.4.4	Hội đồng/Ban in sao đề thi:				
	- Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	
	- Phó Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày		1.000	
	- Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Người/ngày		800	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày		600	
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày		400	
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày		800	
3.4.5	Tổ chức chấm thi				
	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thi chọn đội tuyển quốc gia; tiền công chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm; tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm thẩm định bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi quốc gia, chấm phúc khảo bài thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực (nếu có).	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.	1.200	

4	TẬP HUẤN CÁC ĐỘI TUYÊN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC		Điểm a, Khoản 12, Điều 8		
	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn; tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành, trợ lý thí nghiệm, thực hành;	Người/ngày	Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho người ra đề thi nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT- BLĐTBXH.	1.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2021/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp
tại Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 27 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông báo kết luận số 211-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2021 của
Ban Thường vụ Thành ủy về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn
có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 4033 /TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân thành phố về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu
công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 844/BC-HĐND
ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành
phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết về chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng ở địa bàn có khu công nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

Điều 2. Thực hiện các chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau

1. Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Mức hỗ trợ:

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập có dưới 30 trẻ được hỗ trợ 20.000.000 đồng;

b) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập có từ 30 trẻ đến dưới 50 trẻ được hỗ trợ 35.000.000 đồng;

c) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập có từ 50 trẻ đến 70 trẻ được hỗ trợ 50.000.000 đồng.

2. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định được hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3. Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp

a) Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng.

b) Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

c) Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Thường trực Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND, UBND tp Thủ Đức, 05 huyện, xã, thị trấn;
- UBND các quận, phường;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (Ban VHXXH-Nga) -

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ

B.L.T, C. Sỹ, C. Tâm gửi các trường
06/02/2022

SAO Y; Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh; 04/01/2022; 13:34:04

biếu / UBND
SUVX → x m y - h u o

PTDDT, PTCKH Đtc An

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /UBND-VX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2022

Về triển khai Nghị quyết
số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
của Hội đồng nhân dân Thành phố

Chau Hong CDDT thu dẫn tham mưu nh
hợp triển khai thực hiện

KHẨN	
UBND HUYỆN CÚ CHI	
Số: 28	ĐẾN
Ngày 06/01/22	Ngày
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức
và các quận, huyện. /

Thực hiện Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa X, kỳ họp thứ tư về quy định mức
học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học
2021 - 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo như sau:

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan
triển khai, tổ chức thực hiện chặt chẽ Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND của
Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn
vướng mắc, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo kịp thời báo cáo, đề xuất, trình
Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thường trực Thành ủy (để báo cáo);
 - Thường trực HĐND TP;
 - TTUB: CT, các PCT;
 - Ban VHXXH - HĐND.TP; ;
 - VPUB: CVP, các PCVP;
 - Phòng VX, TH;
 - Lưu: VT, (VX-VN). LL.
- (Kèm NQ số 28/2021/NQ-HĐND)

KT. CHỦ TỊCH
BAN CHỦ TỊCH
Đương Anh Đức

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÚ CHI	
Số: 22	ĐẾN
Ngày 7-1-2022	Ngày
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2021/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

UBND TP.HCM



88540/C-241221

17:03

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 4082/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 848/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang theo học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác theo chương trình giáo dục phổ thông của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông

1. Mức học phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được chia thành 2 nhóm đối tượng như sau

a) Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở thành phố Thủ Đức và các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

b) Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

2. Mức học phí của năm học 2021 - 2022 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

Cấp học	Mức học phí (Đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	200.000	120.000
Mẫu giáo	160.000	100.000
Tiểu học	Không áp dụng	
Trung học cơ sở	60.000	30.000
Trung học phổ thông	120.000	100.000

3. Thực hiện hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục công lập có tổ chức dạy học cho học sinh bậc Nhà trẻ (Nhóm 2), Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên Trung học cơ sở học kỳ 2 năm học 2021 - 2022 như sau

Cấp học	Mức hỗ trợ (Đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	0	20.000
Trung học cơ sở	40.000	55.000
GDTX Trung học cơ sở	40.000	55.000

4. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (học online) bằng 50% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

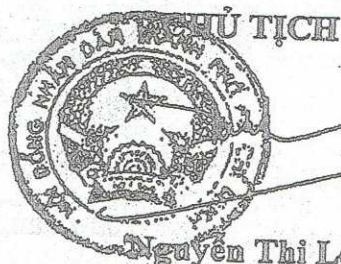
1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Thường trực Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐĐBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND TP Thủ Đức, 05 huyện, xã, thị trấn;
- UBND các quận, phường;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (Ban VHXXH-Nga).



Nguyễn Thị Lệ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2021/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông
công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ 2 năm học 2021 - 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn
bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm
2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP Quy định cơ chế thu, sử dụng học phí
đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn,
giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông báo kết luận số 220-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2021
của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ học phí
cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và giáo dục
thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ 2 năm học
2021 - 2022;

Xét Tờ trình số 4083/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ học phí

cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ 2 năm học 2021 - 2022; Báo cáo thẩm tra số 860/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trẻ mầm non, học sinh phổ thông ngoài công lập đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không bao gồm các học sinh đang học tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ II năm học 2021 - 2022 như sau

1. Mức hỗ trợ học phí căn cứ theo Nghị quyết 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

Cấp học	Mức hỗ trợ học phí (Đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	200.000	120.000
Mẫu giáo	160.000	100.000
Trung học cơ sở	60.000	30.000
Bổ túc Trung học cơ sở	60.000	30.000
Trung học phổ thông	120.000	100.000
Bổ túc Trung học phổ thông	120.000	100.000

Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở thành phố Thủ Đức và các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

Đồng thời được tiếp tục thực hiện hỗ trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục công lập có tổ chức dạy học Nhà trẻ (Nhóm 2), Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên

Trung học cơ sở theo Nghị quyết 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố như sau:

Cấp học	Mức hỗ trợ học phí (Đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ		20.000
Trung học cơ sở	40.000	55.000
GDTX Trung học cơ sở	40.000	55.000

2. Thời gian áp dụng: Học kỳ 2 của năm học 2021 - 2022 (từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2022).

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Thường trực Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐĐBQH và HĐND TP.HCM;
- Văn phòng UBND TP.HCM;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND, UBND tp Thủ Đức, 05 huyện, xã, thị trấn;
- UBND các quận, phường;
- Trung tâm công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (Ban VH-XH-Nga).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

HỒ CHỦ TỊCH

QUYẾT ĐỊNH

Về tiếp tục thực hiện chính sách miễn học phí đối với học sinh dân tộc Chăm và Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022 và chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Kết luận số 180-KL/TU ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục thực hiện chính sách miễn học phí đối với học sinh dân tộc Chăm và Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022 và chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số năm 2021;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc Thành phố tại Tờ trình số 21/TTr-BDT ngày 03 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp tục thực hiện chính sách miễn học phí đối với học sinh dân tộc Chăm và Khmer trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022; chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số năm 2021, cụ thể như sau:

1. Chính sách miễn học phí đối với học sinh dân tộc Chăm và Khmer trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022.

a) Đối tượng thụ hưởng: học sinh là người dân tộc Chăm và Khmer trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt.

b) Mức miễn học phí

- Áp dụng theo mức thu học phí của năm học 2020 - 2021 và năm học 2021 - 2022 do cấp có thẩm quyền ban hành.

- Đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là người dân tộc Chăm và Khmer học tại cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông dân lập, tư thục thì mức miễn học phí áp dụng theo mức thu học phí của trường công lập cùng cấp trên địa bàn.

c) Thời gian áp dụng

Chính sách miễn học phí đối với học sinh dân tộc Chăm và Khmer trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022.

d) Nguồn kinh phí cấp bù: từ nguồn ngân sách Thành phố được bố trí trong dự toán sự nghiệp giáo dục hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số năm 2021.

a) Đối tượng thụ hưởng

- Học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, riêng đối với học viên cao học và nghiên cứu sinh là dân tộc Hoa thì thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố đang học tại các viện nghiên cứu, học viện và các trường đại học trong cả nước (bao gồm trường công lập và dân lập) có chức năng đào tạo sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chính sách này không áp dụng cho đối tượng của Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ của Thành phố; Học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo toàn phần ở nước ngoài; Học viên cao học, nghiên cứu sinh đào tạo theo các chương trình liên kết đúng quy định pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

b) Ngành nghề đào tạo được thụ hưởng chính sách

Tất cả các ngành nghề được quy định tại Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Phương thức đào tạo được thụ hưởng chính sách

- Đào tạo toàn phần trong nước: học tại các viện nghiên cứu, học viện, trường đại học trong cả nước (bao gồm trường công lập và ngoài công lập) có chức năng đào tạo sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đào tạo toàn phần trong nước kết hợp với nghiên cứu, thực tập ở nước ngoài.

d) Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ bản và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/học viên cao học, nghiên cứu sinh; được hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian đào tạo chính thức.

đ) Nguồn kinh phí, phương thức hỗ trợ

- Nguồn kinh phí: từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên (Kinh phí không thực hiện tự chủ) hằng năm của Ban Dân tộc theo quy định.

- Phương thức hỗ trợ: thực hiện cấp phát trực tiếp một lần (10 tháng) cho đối tượng thụ hưởng tại Ban Dân tộc.

e) Hiệu lực thi hành

Thời điểm thực hiện chính sách hỗ trợ học viên cao học, nghiên cứu sinh được áp dụng trong năm 2021.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Giao Ban Dân tộc Thành phố chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện triển khai, hướng dẫn thực hiện chính sách này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Văn phòng Thành ủy;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Ban Dân vận Thành ủy;
- Ban Tôn giáo Thành phố;
- Sở Tài chính;
- VPUB: các CVP, PCVP;
- Phòng VX, TH;
- Lưu: VT, (VX-VN).45

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Anh Đức

